

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Phần thu	Thu NS xã	Phần chi
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
Tổng số thu	203.900,9	Tổng số chi
A. Tổng số thu cân đối ngân sách	203.900,9	A. Tổng số chi cân đối ngân sách
1. Các khoản thu ngân sách phường hưởng 100%	5.007,8	1. Chi đầu tư phát triển
2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và Ngân sách phường	2.042,1	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	3. Chi thường xuyên
4. Thu kết dư năm trước	-	4. Chi viện trợ
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	7.204,7	5. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ
6. Thu viện trợ	-	6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	189.646,2	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	136.124,0	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau
- Bổ sung có mục tiêu	53.522,2	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước
		10. Chi nộp trả ngân sách cấp trên
- Kết dư ngân sách năm quyết toán (*) = (thu - chi)	203,5	

Mẫu biểu số 01

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi NS xã
4
203.697,4
203.697,4
4.250,4
-
164.748,1
-
-
-
-
34.454,9
-
244,0

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

A	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh Q	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:			Cấp trên giao
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã		
	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)	11.200,0	12.320,0	295.089,7	-	297.065,69	93.164,8	203.900,9	2635%	
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	11.200,0	12.320,0	97.994,8	-	99.970,77	92.920,8	7.050,0	875%	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý					759,7	759,7			
	- Thuế giá trị gia tăng					137,3	137			
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					622,4	622,4			
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên									
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý					1.154,2	1.154,2			
	- Thuế giá trị gia tăng					972,9	972,9			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp					180,5	180,5			
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí</i>									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên					0,7	0,7			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					62,1	62,1			
3.1	Thu từ nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài									
3.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					62,1	62,1			
	- Thuế giá trị gia tăng					62,1	62,1			
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí</i>									
	<i>Thuế tối thiểu toàn cầu</i>									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

A	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh Q	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:			Cấp trên giao
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã		
	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)	
	<i>Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên									
	<i>Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí</i>									
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.970,0	4.970,0	30.566,7	-	30.566,7	30.499,6	67,1	615%	
	- Thuế giá trị gia tăng	4.970,0	4.970,0	26.274,6		26.274,6	26.238,0	36,6	529%	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			4.208,2		4.208,2	4.208,2			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			80,4		80,4	53,4	27,0		
	<i>Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước</i>									
	- Thuế tài nguyên			3,5		3,5		3,5		
5	Lệ phí trước bạ	2.030,0	2.030,0	12.750,3		12.750,3	11.303,8	1.446,5	628%	
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp									
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	770,0	900,0	1.057,0		1.057,0	528,5	528,5	137%	
8	Thuế thu nhập cá nhân	2.700,0	3.690,0	13.428,4		13.428,4	13.428,4		497%	
9	Thuế bảo vệ môi trường			-		-				
	<i>Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>			-		-				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước			-		-				
10	Phí, lệ phí	310,0	310,0	600,7	-	600,7	90,8	509,9	194%	
	- Phí, lệ phí Trung ương									
	- Phí, lệ phí Tỉnh			90,8		90,8	90,8			
	- Phí, lệ phí xã			509,9		509,9		509,9		
	<i>Trong đó: - Các khoản phí, lệ phí ngoài danh mục phí, lệ phí được quy định tại Luật Phí và lệ phí do địa phương ban hành</i>			-		-				
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải			-		-				
	- Phí hạ tầng cửa khẩu			-		-				
	- Phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới			-		-				
11	Tiền sử dụng đất	-	-	30.630,5		30.630,5	30.630,5			
	<i>Trong đó:</i>			-		-				
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			-		-				
	+Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia			-		-				
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			30.630,5		30.630,5	30.630,5			

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

A	Nội dung B	Dự toán năm		Quyết toán năm (3)=(4)+(5)	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh Q Cấp trên giao (8)=(3):(1)
		Cấp trên giao (1)	HĐND quyết định (2)		Thu NS TW (4)	Thu NSDP (5)=(6)+(7)	Gồm:		
							Thu NS cấp tỉnh (6)	Thu NS cấp xã (7)	
	+Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương			-		-			
12	Thu tiền thuê đất			2.221,4		2.221,4	2.221,4		
	Trong đó:			-		-			
	- Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			-		-			
	- Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			-		-			
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia			-		-			
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương			-		-			
13	Thu tiền sử dụng khu vực biển			-		-			
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương			-		-			
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương			-		-			
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-		-			
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương			-		-			
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương			-		-			
15	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			-		-			
	Trong đó: - Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc trung ương quản lý			-		-			
	- Thu do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc địa phương quản lý			-		-			
16	Thu từ hoạt động xổ số			2.201,6		2.201,6	2.201,6		
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện			-		-			
	- Cơ quan Trung ương cấp phép			-		-			
	Trong đó: + Tài nguyên khoáng sản			-		-			
	+ Tài nguyên nước			-		-			
	+ Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện			-		-			
	- Cơ quan địa phương cấp phép			-		-			
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			-		-			
19	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế			-		-			
	- Từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			-		-			

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh Q
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:		Cấp trên giao
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã	
A	B	(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)	(6)	(7)	(8)=(3):(1)
	- Từ doanh nghiệp do địa phương quản lý			-		-			
20	Thu khác ngân sách	420,0	420,0	4.538,2	-	4.538,2	40,2	4.498,0	1081%
	Bao gồm: - Thu khác ngân sách trung ương			-		-			
	- Thu khác ngân sách địa phương			4.538,2		4.538,2	40,2	4.498,0	
	<i>Trong đó: +Thu phạt vi phạm an toàn giao thông</i>			-		-			
	+ Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế thực hiện			-		-			
	+ Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa			40,2		40,2	40,2		
II	Thu về dầu thô								
1	Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng								
1.1	Thuế tài nguyên								
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam								
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam								
1.5	Thuế đặc biệt								
1.6	Thu khác								
2	Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.								
3	Phụ thu về dầu, khí								
4	Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)								
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu								
1	Thuế xuất khẩu								
	<i>Trong đó, thuế xuất khẩu qua biên giới đất liền</i>								
2	Thuế nhập khẩu								
	<i>Trong đó, thuế xuất khẩu qua biên giới đất liền</i>								
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu								
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu								
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện								
6	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam								
7	Phí, lệ phí hải quan								
8	Thu khác								
IV	Thu Viện trợ								
V	Các khoản huy động, đóng góp								

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh Q
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSDP	Gồm:		
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)=(4)+(5)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)=(6)+(7)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)=(3):(1)</i>
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng								
2	Các khoản huy động đóng góp khác								
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính								
1	Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách								
2	Thu từ các khoản cho vay của ngân sách								
-	<i>Thu nợ gốc cho vay</i>								
-	<i>Thu lãi cho vay</i>								
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính								
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								
I	Vay bù đắp bội chi NSDP								
1	Vay trong nước								
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước								
II	Vay để trả nợ gốc vay								
1	Vay trong nước								
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước								
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH			189.890,2	-	189.890,2	244,0	189.646,2	
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			189.646,2		189.646,2		189.646,2	
1	Bổ sung cân đối			136.124,0		136.124,0		136.124,0	
2	Bổ sung có mục tiêu			53.522,2		53.522,2		53.522,2	
-	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>			53.522,2		53.522,2		53.522,2	
-	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>								
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			244,0		244,0	244,0		
D	THU CHUYỂN NGUỒN			7.204,7		7.204,7		7.204,7	
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH								

1 biểu số 02

h: Triệu đồng

T/DT (%)

**HĐND
quyết
định**

(9)-(3):(2)

1081%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	166.647,0	166.647,0	168.998,5	168.998,5	101%	101%
I	Chi đầu tư phát triển	4.649,0	4.649,0	4.250,4	4.250,4	91%	91%
1	Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác và chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước, chi tiết theo từng lĩnh vực	4.649,0	4.649,0	4.250,4	4.250,4	91%	91%
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW						
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW						
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề						
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số						
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình						
1.6	Chi Văn hóa thông tin	3.231,2	3.231,2	3.454	3.454,1	107%	107%
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình						
1.8	Chi Thể dục thể thao						
1.9	Chi Bảo vệ môi trường						
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	1.417,8	1.417,8	796	796,2	56%	56%
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể						
1.12	Chi Bảo đảm xã hội						
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác						
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật						
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương						
4	Chi đầu tư phát triển khác						
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định						
III	Chi thường xuyên	161.998,0	161.998,0	164.748,1	164.748,1	102%	102%

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	1.377,0	1.377,0	1.271,3	1.271,3	92%	92%
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	1.516,0	1.516,0	1.409,5	1.409,5	93%	93%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	101.753,0	101.753,0	93.655,6	93.655,6	92%	92%
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			-	-		
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	3.606,0	3.606,0	3.100,7	3.100,7	86%	86%
2.6	Chi Văn hóa thông tin	373,0	373,0	3.976,1	3.976,1	1066%	1066%
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình			-	-		
2.8	Chi Thể dục thể thao	24,0	24,0	71,4	71,4	297%	297%
2.9	Chi Bảo vệ môi trường			-	-		
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	18.028,0	18.028,0	15.935,6	15.935,6	88%	88%
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.183,0	32.183,0	37.543,3	37.543,3	117%	117%
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	3.138,0	3.138,0	7.784,7	7.784,7	248%	248%
2.13	Chi khác				-		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				-		
V	Chi viện trợ				-		
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ						
VII	Chi chuyển nguồn						
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước						
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI						
1	Bổ sung cân đối				-		
2	Bổ sung có mục tiêu						
	<i>Tr. đó: - Bảng nguồn vốn trong nước</i>						
	<i>- Bảng nguồn vốn ngoài nước</i>						
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			244,0	244,0		
	TỔNG SỐ (A+B+C)	166.647,0	166.647,0	169.242,5	169.242,5	102%	102%

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP THEO MỤC LỤC NSI
(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phục

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục
Thu và vay trong ngân sách			
Cấp I	141	1600	1603
Cấp I	141	1600	
Cấp I	141		
Cấp I	142	1600	1603
Cấp I	142	1600	
Cấp I	142		
Cấp I			
Cấp II	555	1600	1602
Cấp II	555	1600	1603
Cấp II	555	1600	
Cấp II	555		
Cấp II	557	1600	1602
Cấp II	557	1600	
Cấp II	557		
Cấp II	558	1600	1603
Cấp II	558	1600	
Cấp II	558		
Cấp II			
Cấp III	755	1600	1603
Cấp III	755	1600	
Cấp III	755	2850	2863
Cấp III	755	2850	
Cấp III	755	4900	4944
Cấp III	755	4900	
Cấp III	755		
Cấp III	757	1600	1601
Cấp III	757	1600	1602
Cấp III	757	1600	
Cấp III	757	2800	2801
Cấp III	757	2800	
Cấp III	757		
Cấp III			
Cấp IV	805	2700	2716
Cấp IV	805	2700	
Cấp IV	805	2750	2771
Cấp IV	805	2750	
Cấp IV	805	4250	4299
Cấp IV	805	4250	
Cấp IV	805	4300	4349
Cấp IV	805	4300	

Cấp IV	805	4900	4949
Cấp IV	805	4900	
Cấp IV	805		
Cấp IV	821	2450	2452
Cấp IV	821	2450	
Cấp IV	821		
Cấp IV	822	2850	2864
Cấp IV	822	2850	
Cấp IV	822		
Cấp IV	830	2700	2716
Cấp IV	830	2700	
Cấp IV	830	2750	2771
Cấp IV	830	2750	
Cấp IV	830	4250	4278
Cấp IV	830	4250	4299
Cấp IV	830	4250	
Cấp IV	830	4300	4349
Cấp IV	830	4300	
Cấp IV	830	4900	4949
Cấp IV	830	4900	
Cấp IV	830		
Cấp IV	833	2700	2716
Cấp IV	833	2700	
Cấp IV	833		
Cấp IV	854	2850	2864
Cấp IV	854	2850	
Cấp IV	854		
Cấp IV	855	1600	1601
Cấp IV	855	1600	1603
Cấp IV	855	1600	
Cấp IV	855	2600	2625
Cấp IV	855	2600	
Cấp IV	855	2850	2862
Cấp IV	855	2850	2863
Cấp IV	855	2850	2864
Cấp IV	855	2850	
Cấp IV	855	4900	4944
Cấp IV	855	4900	
Cấp IV	855		
Cấp IV	857	1550	1555
Cấp IV	857	1550	
Cấp IV	857	1600	1601
Cấp IV	857	1600	1602
Cấp IV	857	1600	1649
Cấp IV	857	1600	
Cấp IV	857	1750	1757
Cấp IV	857	1750	
Cấp IV	857	2600	2625
Cấp IV	857	2600	

Cấp IV	857	2800	2801
Cấp IV	857	2800	
Cấp IV	857	2850	2862
Cấp IV	857	2850	2863
Cấp IV	857	2850	2864
Cấp IV	857	2850	
Cấp IV	857	4300	4349
Cấp IV	857	4300	
Cấp IV	857	4900	4931
Cấp IV	857	4900	4944
Cấp IV	857	4900	4949
Cấp IV	857	4900	
Cấp IV	857		
Cấp IV	860	0911	0911
Cấp IV	860	0911	
Cấp IV	860	0915	0915
Cấp IV	860	0915	
Cấp IV	860	0917	0917
Cấp IV	860	0917	
Cấp IV	860	0918	0918
Cấp IV	860	0918	
Cấp IV	860	4650	4651
Cấp IV	860	4650	4654
Cấp IV	860	4650	
Cấp IV	860		
Cấp IV	989	1600	1603
Cấp IV	989	1600	
Cấp IV	989	2600	2625
Cấp IV	989	2600	
Cấp IV	989	2850	2863
Cấp IV	989	2850	2864
Cấp IV	989	2850	
Cấp IV	989	4900	4944
Cấp IV	989	4900	
Cấp IV	989		
Cấp IV			

Mẫu biểu số 04

NN NĂM 2025

(*ở tỉnh Tam Thanh*)

Đơn vị: Đồng

NS xã
203.900.877.342
1.327.997
1.327.997
1.327.997
345.072
345.072
345.072
1.673.069
2.541.244
25.011.008
27.552.252
27.552.252
374.739
374.739
374.739
2.921.203
2.921.203
2.921.203
30.848.194
2.109.876
2.109.876
4.000.000
4.000.000
384.781
384.781
6.494.657
778.500
949.423
1.727.923
707.531.653
707.531.653
709.259.576
715.754.233
37.838.000
37.838.000
20.154.000
20.154.000
25.900.000
25.900.000
87.623.000
87.623.000

90.000.000
90.000.000
261.515.000
108.096.000
108.096.000
108.096.000
2.000.000
2.000.000
2.000.000
8.298.000
8.298.000
2.376.000
2.376.000
1.147.655.000
995.161.439
2.142.816.439
1.611.621.314
1.611.621.314
450.000.000
450.000.000
4.215.111.753
36.394.030
36.394.030
36.394.030
1.000.000
1.000.000
1.000.000
1.804.320
40.694.261
42.498.581
4.189.307
4.189.307
9.000.000
21.999.998
500.000
31.499.998
2.857.277
2.857.277
81.045.163
3.517.710
3.517.710
79.971.388
366.429.163
2.778.750
449.179.301
27.014.000
27.014.000
2.842.884
2.842.884

738.937.862
738.937.862
78.300.000
44.750.000
90.450.000
213.500.000
62.084.000
62.084.000
36.597.422
10.628.694
12.177.360
59.403.476
1.556.479.233
281.000.000
281.000.000
1.611.086.000
1.611.086.000
3.818.505.954
3.818.505.954
1.494.072.000
1.494.072.000
136.124.000.000
53.522.249.000
189.646.249.000
196.850.912.954
487.773
487.773
31.680.000
31.680.000
1.000.000
5.000.000
6.000.000
1.879.940
1.879.940
40.047.713
203.152.601.846

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025*(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)*

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Tổng số						169.242.520.795
Cấp IV						169.242.520.795
Cấp IV	800					169.242.520.795
Cấp IV	800	010				1.271.261.900
Cấp IV	800	010	011			1.271.261.900
Cấp IV	800	010	011	6000		119.838.000
Cấp IV	800	010	011	6000	6001	119.838.000
Cấp IV	800	010	011	6100		165.396.900
Cấp IV	800	010	011	6100	6101	906.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6102	8.424.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6105	57.217.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6113	9.546.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6115	18.957.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6124	29.484.000
Cấp IV	800	010	011	6100	6149	40.862.900
Cấp IV	800	010	011	6250		5.250.000
Cấp IV	800	010	011	6250	6299	5.250.000
Cấp IV	800	010	011	6300		32.249.000
Cấp IV	800	010	011	6300	6301	27.533.000
Cấp IV	800	010	011	6300	6302	4.716.000
Cấp IV	800	010	011	6350		492.114.500
Cấp IV	800	010	011	6350	6353	492.114.500
Cấp IV	800	010	011	6400		3.600.000
Cấp IV	800	010	011	6400	6449	3.600.000
Cấp IV	800	010	011	6550		21.528.500
Cấp IV	800	010	011	6550	6551	13.908.500

Cấp IV	800	010	011	6550	6599	7.620.000
Cấp IV	800	010	011	6600		3.927.000
Cấp IV	800	010	011	6600	6601	403.500
Cấp IV	800	010	011	6600	6605	3.523.500
Cấp IV	800	010	011	6650		13.870.000
Cấp IV	800	010	011	6650	6658	8.120.000
Cấp IV	800	010	011	6650	6699	5.750.000
Cấp IV	800	010	011	6700		0
Cấp IV	800	010	011	6700	6701	0
Cấp IV	800	010	011	6700	6702	0
Cấp IV	800	010	011	6900		14.579.000
Cấp IV	800	010	011	6900	6912	14.579.000
Cấp IV	800	010	011	7000		351.974.000
Cấp IV	800	010	011	7000	7049	351.974.000
Cấp IV	800	010	011	7750		46.935.000
Cấp IV	800	010	011	7750	7799	46.935.000
Cấp IV	800	040				1.409.456.500
Cấp IV	800	040	041			1.409.456.500
Cấp IV	800	040	041	6100		11.568.500
Cấp IV	800	040	041	6100	6105	11.568.500
Cấp IV	800	040	041	6350		1.324.600.000
Cấp IV	800	040	041	6350	6353	1.324.600.000
Cấp IV	800	040	041	6650		37.710.000
Cấp IV	800	040	041	6650	6658	22.500.000
Cấp IV	800	040	041	6650	6699	15.210.000
Cấp IV	800	040	041	7000		250.000
Cấp IV	800	040	041	7000	7049	250.000
Cấp IV	800	040	041	7750		35.328.000
Cấp IV	800	040	041	7750	7799	35.328.000
Cấp IV	800	070				93.655.595.600
Cấp IV	800	070	071			30.370.003.000
Cấp IV	800	070	071	6000		9.706.959.412
Cấp IV	800	070	071	6000	6001	9.706.959.412
Cấp IV	800	070	071	6050		3.662.533.181
Cấp IV	800	070	071	6050	6051	3.662.533.181

Cấp IV	800	070	071	6100		7.187.932.367
Cấp IV	800	070	071	6100	6101	211.452.705
Cấp IV	800	070	071	6100	6102	647.712.000
Cấp IV	800	070	071	6100	6105	101.463.918
Cấp IV	800	070	071	6100	6112	4.864.854.700
Cấp IV	800	070	071	6100	6113	7.020.000
Cấp IV	800	070	071	6100	6115	1.355.429.044
Cấp IV	800	070	071	6150		34.950.000
Cấp IV	800	070	071	6150	6157	34.500.000
Cấp IV	800	070	071	6150	6199	450.000
Cấp IV	800	070	071	6200		1.432.000.000
Cấp IV	800	070	071	6200	6201	1.426.500.000
Cấp IV	800	070	071	6200	6202	5.500.000
Cấp IV	800	070	071	6250		49.608.000
Cấp IV	800	070	071	6250	6299	49.608.000
Cấp IV	800	070	071	6300		3.280.789.586
Cấp IV	800	070	071	6300	6301	2.571.612.400
Cấp IV	800	070	071	6300	6302	441.769.900
Cấp IV	800	070	071	6300	6303	121.133.851
Cấp IV	800	070	071	6300	6304	146.273.435
Cấp IV	800	070	071	6400		394.756.498
Cấp IV	800	070	071	6400	6401	37.600.000
Cấp IV	800	070	071	6400	6404	352.156.498
Cấp IV	800	070	071	6400	6449	5.000.000
Cấp IV	800	070	071	6500		183.271.524
Cấp IV	800	070	071	6500	6501	106.309.524
Cấp IV	800	070	071	6500	6502	76.962.000
Cấp IV	800	070	071	6550		715.442.500
Cấp IV	800	070	071	6550	6551	168.757.000
Cấp IV	800	070	071	6550	6552	324.252.000
Cấp IV	800	070	071	6550	6599	222.433.500
Cấp IV	800	070	071	6600		59.222.000
Cấp IV	800	070	071	6600	6601	1.590.000
Cấp IV	800	070	071	6600	6605	34.945.000
Cấp IV	800	070	071	6600	6649	22.687.000

Cấp IV	800	070	071	6700		57.320.000
Cấp IV	800	070	071	6700	6701	38.760.000
Cấp IV	800	070	071	6700	6702	7.560.000
Cấp IV	800	070	071	6700	6703	2.500.000
Cấp IV	800	070	071	6700	6704	8.500.000
Cấp IV	800	070	071	6750		83.060.000
Cấp IV	800	070	071	6750	6756	2.400.000
Cấp IV	800	070	071	6750	6799	80.660.000
Cấp IV	800	070	071	6900		501.812.897
Cấp IV	800	070	071	6900	6912	79.125.500
Cấp IV	800	070	071	6900	6913	23.980.000
Cấp IV	800	070	071	6900	6921	118.751.000
Cấp IV	800	070	071	6900	6949	279.956.397
Cấp IV	800	070	071	6950		111.076.000
Cấp IV	800	070	071	6950	6955	49.186.000
Cấp IV	800	070	071	6950	6956	38.900.000
Cấp IV	800	070	071	6950	6999	22.990.000
Cấp IV	800	070	071	7000		150.089.400
Cấp IV	800	070	071	7000	7001	131.554.400
Cấp IV	800	070	071	7000	7004	7.700.000
Cấp IV	800	070	071	7000	7049	10.835.000
Cấp IV	800	070	071	7050		96.539.635
Cấp IV	800	070	071	7050	7053	96.539.635
Cấp IV	800	070	071	7750		2.158.310.000
Cấp IV	800	070	071	7750	7757	6.820.000
Cấp IV	800	070	071	7750	7761	22.870.000
Cấp IV	800	070	071	7750	7766	1.798.450.000
Cấp IV	800	070	071	7750	7799	330.170.000
Cấp IV	800	070	071	8000		504.330.000
Cấp IV	800	070	071	8000	8049	504.330.000
Cấp IV	800	070	072			35.318.351.000
Cấp IV	800	070	072	6000		13.693.930.214
Cấp IV	800	070	072	6000	6001	13.693.930.214
Cấp IV	800	070	072	6050		1.857.951.400
Cấp IV	800	070	072	6050	6051	1.795.407.400

Cấp IV	800	070	072	6050	6099	62.544.000
Cấp IV	800	070	072	6100		10.540.097.720
Cấp IV	800	070	072	6100	6101	219.782.900
Cấp IV	800	070	072	6100	6102	630.864.000
Cấp IV	800	070	072	6100	6105	46.222.000
Cấp IV	800	070	072	6100	6107	5.616.000
Cấp IV	800	070	072	6100	6112	6.619.157.400
Cấp IV	800	070	072	6100	6113	38.376.000
Cấp IV	800	070	072	6100	6115	2.929.772.820
Cấp IV	800	070	072	6100	6149	50.306.600
Cấp IV	800	070	072	6150		108.750.000
Cấp IV	800	070	072	6150	6157	108.750.000
Cấp IV	800	070	072	6200		1.502.000.000
Cấp IV	800	070	072	6200	6201	1.482.300.000
Cấp IV	800	070	072	6200	6202	19.700.000
Cấp IV	800	070	072	6250		42.514.000
Cấp IV	800	070	072	6250	6299	42.514.000
Cấp IV	800	070	072	6300		4.109.414.900
Cấp IV	800	070	072	6300	6301	3.235.118.600
Cấp IV	800	070	072	6300	6302	541.510.600
Cấp IV	800	070	072	6300	6303	150.417.400
Cấp IV	800	070	072	6300	6304	182.368.300
Cấp IV	800	070	072	6400		136.244.400
Cấp IV	800	070	072	6400	6404	136.244.400
Cấp IV	800	070	072	6500		227.220.566
Cấp IV	800	070	072	6500	6501	165.454.266
Cấp IV	800	070	072	6500	6502	60.416.300
Cấp IV	800	070	072	6500	6504	1.350.000
Cấp IV	800	070	072	6550		1.001.728.700
Cấp IV	800	070	072	6550	6551	166.404.700
Cấp IV	800	070	072	6550	6552	343.742.000
Cấp IV	800	070	072	6550	6599	491.582.000
Cấp IV	800	070	072	6600		53.041.800
Cấp IV	800	070	072	6600	6601	2.509.000
Cấp IV	800	070	072	6600	6605	28.522.000

Cấp IV	800	070	072	6600	6608	2.583.800
Cấp IV	800	070	072	6600	6649	19.427.000
Cấp IV	800	070	072	6700		22.231.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6701	11.931.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6702	2.250.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6703	1.600.000
Cấp IV	800	070	072	6700	6704	6.450.000
Cấp IV	800	070	072	6750		274.356.000
Cấp IV	800	070	072	6750	6799	274.356.000
Cấp IV	800	070	072	6900		432.886.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6907	67.902.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6912	141.015.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6913	46.728.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6921	40.385.000
Cấp IV	800	070	072	6900	6949	136.856.000
Cấp IV	800	070	072	6950		200.150.000
Cấp IV	800	070	072	6950	6955	139.700.000
Cấp IV	800	070	072	6950	6956	60.450.000
Cấp IV	800	070	072	7000		763.621.300
Cấp IV	800	070	072	7000	7001	579.534.300
Cấp IV	800	070	072	7000	7004	23.770.000
Cấp IV	800	070	072	7000	7012	5.640.000
Cấp IV	800	070	072	7000	7049	154.677.000
Cấp IV	800	070	072	7050		60.550.000
Cấp IV	800	070	072	7050	7053	57.400.000
Cấp IV	800	070	072	7050	7099	3.150.000
Cấp IV	800	070	072	7750		291.663.000
Cấp IV	800	070	072	7750	7756	2.200.000
Cấp IV	800	070	072	7750	7799	289.463.000
Cấp IV	800	070	073			23.883.535.200
Cấp IV	800	070	073	6000		9.630.346.500
Cấp IV	800	070	073	6000	6001	9.630.346.500
Cấp IV	800	070	073	6050		1.372.251.300
Cấp IV	800	070	073	6050	6051	1.214.869.800
Cấp IV	800	070	073	6050	6099	157.381.500

Cấp IV	800	070	073	6100		6.501.107.300
Cấp IV	800	070	073	6100	6101	163.332.000
Cấp IV	800	070	073	6100	6102	486.720.000
Cấp IV	800	070	073	6100	6105	132.174.200
Cấp IV	800	070	073	6100	6112	3.522.267.500
Cấp IV	800	070	073	6100	6113	37.440.000
Cấp IV	800	070	073	6100	6115	2.087.405.800
Cấp IV	800	070	073	6100	6149	71.767.800
Cấp IV	800	070	073	6150		48.750.000
Cấp IV	800	070	073	6150	6157	48.750.000
Cấp IV	800	070	073	6200		1.094.000.000
Cấp IV	800	070	073	6200	6201	937.510.000
Cấp IV	800	070	073	6200	6202	156.490.000
Cấp IV	800	070	073	6250		14.360.000
Cấp IV	800	070	073	6250	6299	14.360.000
Cấp IV	800	070	073	6300		2.946.219.700
Cấp IV	800	070	073	6300	6301	2.309.106.200
Cấp IV	800	070	073	6300	6302	396.112.000
Cấp IV	800	070	073	6300	6303	108.965.300
Cấp IV	800	070	073	6300	6304	132.036.200
Cấp IV	800	070	073	6400		4.000.000
Cấp IV	800	070	073	6400	6449	4.000.000
Cấp IV	800	070	073	6500		99.919.300
Cấp IV	800	070	073	6500	6501	77.831.300
Cấp IV	800	070	073	6500	6502	20.738.000
Cấp IV	800	070	073	6500	6504	1.350.000
Cấp IV	800	070	073	6550		203.943.000
Cấp IV	800	070	073	6550	6551	59.433.000
Cấp IV	800	070	073	6550	6552	114.265.000
Cấp IV	800	070	073	6550	6553	15.900.000
Cấp IV	800	070	073	6550	6599	14.345.000
Cấp IV	800	070	073	6600		29.972.500
Cấp IV	800	070	073	6600	6601	222.500
Cấp IV	800	070	073	6600	6605	29.750.000
Cấp IV	800	070	073	6700		195.149.000

Cấp IV	800	070	073	6700	6701	94.419.000
Cấp IV	800	070	073	6700	6702	47.000.000
Cấp IV	800	070	073	6700	6703	20.380.000
Cấp IV	800	070	073	6700	6704	33.350.000
Cấp IV	800	070	073	6750		61.670.000
Cấp IV	800	070	073	6750	6799	61.670.000
Cấp IV	800	070	073	6800		28.500.000
Cấp IV	800	070	073	6800	6849	28.500.000
Cấp IV	800	070	073	6900		93.454.400
Cấp IV	800	070	073	6900	6912	39.529.400
Cấp IV	800	070	073	6900	6913	3.100.000
Cấp IV	800	070	073	6900	6921	17.490.000
Cấp IV	800	070	073	6900	6949	33.335.000
Cấp IV	800	070	073	6950		490.875.000
Cấp IV	800	070	073	6950	6956	490.875.000
Cấp IV	800	070	073	7000		771.873.500
Cấp IV	800	070	073	7000	7001	718.667.200
Cấp IV	800	070	073	7000	7004	10.700.000
Cấp IV	800	070	073	7000	7012	11.811.000
Cấp IV	800	070	073	7000	7049	30.695.300
Cấp IV	800	070	073	7050		53.000.000
Cấp IV	800	070	073	7050	7053	53.000.000
Cấp IV	800	070	073	7750		244.143.700
Cấp IV	800	070	073	7750	7756	1.350.000
Cấp IV	800	070	073	7750	7757	3.300.000
Cấp IV	800	070	073	7750	7766	34.260.000
Cấp IV	800	070	073	7750	7799	205.233.700
Cấp IV	800	070	098			4.083.706.400
Cấp IV	800	070	098	6100		17.405.400
Cấp IV	800	070	098	6100	6105	7.577.400
Cấp IV	800	070	098	6100	6149	9.828.000
Cấp IV	800	070	098	6150		741.010.000
Cấp IV	800	070	098	6150	6156	741.010.000
Cấp IV	800	070	098	6200		5.500.000
Cấp IV	800	070	098	6200	6201	5.500.000

Cấp IV	800	070	098	6350		2.106.000
Cấp IV	800	070	098	6350	6353	2.106.000
Cấp IV	800	070	098	6400		17.640.000
Cấp IV	800	070	098	6400	6449	17.640.000
Cấp IV	800	070	098	6650		4.500.000
Cấp IV	800	070	098	6650	6699	4.500.000
Cấp IV	800	070	098	6900		2.581.805.000
Cấp IV	800	070	098	6900	6907	2.581.805.000
Cấp IV	800	070	098	6950		458.800.000
Cấp IV	800	070	098	6950	6956	458.800.000
Cấp IV	800	070	098	7000		63.190.000
Cấp IV	800	070	098	7000	7001	7.430.000
Cấp IV	800	070	098	7000	7049	55.760.000
Cấp IV	800	070	098	8000		191.750.000
Cấp IV	800	070	098	8000	8049	191.750.000
Cấp IV	800	130				3.100.693.940
Cấp IV	800	130	133			3.087.743.940
Cấp IV	800	130	133	7450		3.087.743.940
Cấp IV	800	130	133	7450	7451	3.087.743.940
Cấp IV	800	130	139			12.950.000
Cấp IV	800	130	139	6400		6.950.000
Cấp IV	800	130	139	6400	6449	6.950.000
Cấp IV	800	130	139	7000		6.000.000
Cấp IV	800	130	139	7000	7001	6.000.000
Cấp IV	800	160				7.430.219.500
Cấp IV	800	160	161			7.430.219.500
Cấp IV	800	160	161	6550		2.200.000
Cấp IV	800	160	161	6550	6552	2.000.000
Cấp IV	800	160	161	6550	6599	200.000
Cấp IV	800	160	161	6600		41.280.000
Cấp IV	800	160	161	6600	6606	41.280.000
Cấp IV	800	160	161	6650		8.100.000
Cấp IV	800	160	161	6650	6657	5.500.000
Cấp IV	800	160	161	6650	6699	2.600.000
Cấp IV	800	160	161	6750		178.820.000

Cấp IV	800	160	161	6750	6799	178.820.000
Cấp IV	800	160	161	6900		3.389.814.000
Cấp IV	800	160	161	6900	6912	2.100.000
Cấp IV	800	160	161	6900	6949	3.387.714.000
Cấp IV	800	160	161	7000		315.096.500
Cấp IV	800	160	161	7000	7001	23.720.000
Cấp IV	800	160	161	7000	7004	60.400.000
Cấp IV	800	160	161	7000	7049	230.976.500
Cấp IV	800	160	161	7750		40.770.000
Cấp IV	800	160	161	7750	7799	40.770.000
Cấp IV	800	160	161	9300		2.835.103.000
Cấp IV	800	160	161	9300	9301	2.835.103.000
Cấp IV	800	160	161	9400		619.036.000
Cấp IV	800	160	161	9400	9401	159.012.000
Cấp IV	800	160	161	9400	9402	448.256.000
Cấp IV	800	160	161	9400	9449	11.768.000
Cấp IV	800	220				71.356.000
Cấp IV	800	220	221			71.356.000
Cấp IV	800	220	221	6900		45.876.000
Cấp IV	800	220	221	6900	6949	45.876.000
Cấp IV	800	220	221	7000		25.480.000
Cấp IV	800	220	221	7000	7001	2.880.000
Cấp IV	800	220	221	7000	7004	10.600.000
Cấp IV	800	220	221	7000	7049	12.000.000
Cấp IV	800	280				16.731.871.618
Cấp IV	800	280	281			68.875.618
Cấp IV	800	280	281	7000		15.300.000
Cấp IV	800	280	281	7000	7049	15.300.000
Cấp IV	800	280	281	8000		53.575.618
Cấp IV	800	280	281	8000	8049	53.575.618
Cấp IV	800	280	292			7.559.213.900
Cấp IV	800	280	292	6900		6.846.520.900
Cấp IV	800	280	292	6900	6922	5.503.623.900
Cấp IV	800	280	292	6900	6949	1.342.897.000
Cấp IV	800	280	292	9400		712.693.000

Cấp IV	800	280	292	9400	9402	712.693.000
Cấp IV	800	280	311			311.917.000
Cấp IV	800	280	311	6900		228.363.000
Cấp IV	800	280	311	6900	6922	228.363.000
Cấp IV	800	280	311	9400		83.554.000
Cấp IV	800	280	311	9400	9402	83.554.000
Cấp IV	800	280	332			508.018.000
Cấp IV	800	280	332	6900		508.018.000
Cấp IV	800	280	332	6900	6949	508.018.000
Cấp IV	800	280	338			8.283.847.100
Cấp IV	800	280	338	6000		257.436.700
Cấp IV	800	280	338	6000	6001	257.436.700
Cấp IV	800	280	338	6050		146.076.100
Cấp IV	800	280	338	6050	6051	146.076.100
Cấp IV	800	280	338	6100		119.692.800
Cấp IV	800	280	338	6100	6101	7.019.700
Cấp IV	800	280	338	6100	6102	61.934.000
Cấp IV	800	280	338	6100	6105	49.973.800
Cấp IV	800	280	338	6100	6115	765.300
Cấp IV	800	280	338	6200		46.656.000
Cấp IV	800	280	338	6200	6201	46.656.000
Cấp IV	800	280	338	6250		4.200.000
Cấp IV	800	280	338	6250	6299	4.200.000
Cấp IV	800	280	338	6300		61.085.700
Cấp IV	800	280	338	6300	6301	49.720.900
Cấp IV	800	280	338	6300	6302	8.523.600
Cấp IV	800	280	338	6300	6304	2.841.200
Cấp IV	800	280	338	6400		6.000.000
Cấp IV	800	280	338	6400	6449	6.000.000
Cấp IV	800	280	338	6500		17.302.800
Cấp IV	800	280	338	6500	6501	9.837.800
Cấp IV	800	280	338	6500	6502	1.468.500
Cấp IV	800	280	338	6500	6503	5.996.500
Cấp IV	800	280	338	6550		17.557.000
Cấp IV	800	280	338	6550	6551	16.404.000

Cấp IV	800	280	338	6550	6599	1.153.000
Cấp IV	800	280	338	6600		2.010.300
Cấp IV	800	280	338	6600	6605	1.710.300
Cấp IV	800	280	338	6600	6649	300.000
Cấp IV	800	280	338	6900		6.975.385.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6903	25.460.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6912	5.235.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6921	2.010.906.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6922	20.000.000
Cấp IV	800	280	338	6900	6949	4.913.784.000
Cấp IV	800	280	338	7000		606.044.000
Cấp IV	800	280	338	7000	7049	606.044.000
Cấp IV	800	280	338	7050		12.000.000
Cấp IV	800	280	338	7050	7053	12.000.000
Cấp IV	800	280	338	7750		12.400.700
Cấp IV	800	280	338	7750	7756	1.445.000
Cấp IV	800	280	338	7750	7757	1.028.300
Cấp IV	800	280	338	7750	7799	9.927.400
Cấp IV	800	340				37.543.318.367
Cấp IV	800	340	341			21.973.351.708
Cấp IV	800	340	341	6000		3.952.719.400
Cấp IV	800	340	341	6000	6001	3.838.149.400
Cấp IV	800	340	341	6000	6003	114.570.000
Cấp IV	800	340	341	6050		302.746.300
Cấp IV	800	340	341	6050	6051	302.746.300
Cấp IV	800	340	341	6100		2.439.599.500
Cấp IV	800	340	341	6100	6101	96.176.200
Cấp IV	800	340	341	6100	6102	214.344.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6105	629.125.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6107	2.106.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6111	483.931.000
Cấp IV	800	340	341	6100	6113	41.265.900
Cấp IV	800	340	341	6100	6123	14.959.600
Cấp IV	800	340	341	6100	6124	954.953.800
Cấp IV	800	340	341	6100	6149	2.738.000

Cấp IV	800	340	341	6200		688.760.000
Cấp IV	800	340	341	6200	6201	672.960.000
Cấp IV	800	340	341	6200	6249	15.800.000
Cấp IV	800	340	341	6250		76.860.000
Cấp IV	800	340	341	6250	6299	76.860.000
Cấp IV	800	340	341	6300		930.965.572
Cấp IV	800	340	341	6300	6301	761.289.472
Cấp IV	800	340	341	6300	6302	139.375.400
Cấp IV	800	340	341	6300	6303	27.114.700
Cấp IV	800	340	341	6300	6304	3.186.000
Cấp IV	800	340	341	6350		1.360.840.100
Cấp IV	800	340	341	6350	6353	1.328.890.100
Cấp IV	800	340	341	6350	6399	31.950.000
Cấp IV	800	340	341	6400		176.621.000
Cấp IV	800	340	341	6400	6449	176.621.000
Cấp IV	800	340	341	6500		131.659.900
Cấp IV	800	340	341	6500	6501	119.944.400
Cấp IV	800	340	341	6500	6502	11.715.500
Cấp IV	800	340	341	6550		632.338.223
Cấp IV	800	340	341	6550	6551	369.077.698
Cấp IV	800	340	341	6550	6552	64.974.000
Cấp IV	800	340	341	6550	6599	198.286.525
Cấp IV	800	340	341	6600		219.976.398
Cấp IV	800	340	341	6600	6601	4.147.900
Cấp IV	800	340	341	6600	6603	16.541.000
Cấp IV	800	340	341	6600	6605	51.673.500
Cấp IV	800	340	341	6600	6606	99.199.000
Cấp IV	800	340	341	6600	6608	16.875.900
Cấp IV	800	340	341	6600	6649	31.539.098
Cấp IV	800	340	341	6650		83.310.000
Cấp IV	800	340	341	6650	6651	4.955.000
Cấp IV	800	340	341	6650	6652	3.600.000
Cấp IV	800	340	341	6650	6699	74.755.000
Cấp IV	800	340	341	6700		33.050.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6701	2.480.000

Cấp IV	800	340	341	6700	6702	8.500.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6703	2.970.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6704	19.100.000
Cấp IV	800	340	341	6700	6749	0
Cấp IV	800	340	341	6750		421.626.000
Cấp IV	800	340	341	6750	6751	58.000.000
Cấp IV	800	340	341	6750	6754	17.400.000
Cấp IV	800	340	341	6750	6799	346.226.000
Cấp IV	800	340	341	6900		1.786.473.360
Cấp IV	800	340	341	6900	6912	114.935.360
Cấp IV	800	340	341	6900	6913	14.100.000
Cấp IV	800	340	341	6900	6949	1.657.438.000
Cấp IV	800	340	341	6950		308.652.000
Cấp IV	800	340	341	6950	6955	244.352.000
Cấp IV	800	340	341	6950	6956	52.800.000
Cấp IV	800	340	341	6950	6999	11.500.000
Cấp IV	800	340	341	7000		82.439.455
Cấp IV	800	340	341	7000	7001	9.780.000
Cấp IV	800	340	341	7000	7004	10.000.000
Cấp IV	800	340	341	7000	7049	62.659.455
Cấp IV	800	340	341	7050		62.600.000
Cấp IV	800	340	341	7050	7053	62.600.000
Cấp IV	800	340	341	7250		0
Cấp IV	800	340	341	7250	7262	0
Cấp IV	800	340	341	7450		25.300.000
Cấp IV	800	340	341	7450	7499	25.300.000
Cấp IV	800	340	341	7750		1.038.661.500
Cấp IV	800	340	341	7750	7761	148.435.000
Cấp IV	800	340	341	7750	7799	890.226.500
Cấp IV	800	340	341	7850		14.833.000
Cấp IV	800	340	341	7850	7854	14.833.000
Cấp IV	800	340	341	8000		7.203.320.000
Cấp IV	800	340	341	8000	8006	1.792.727.000
Cấp IV	800	340	341	8000	8049	5.410.593.000
Cấp IV	800	340	351			10.491.816.747

Cấp IV	800	340	351	6000		879.021.936
Cấp IV	800	340	351	6000	6001	879.021.936
Cấp IV	800	340	351	6050		104.673.114
Cấp IV	800	340	351	6050	6051	104.673.114
Cấp IV	800	340	351	6100		573.546.360
Cấp IV	800	340	351	6100	6101	53.994.330
Cấp IV	800	340	351	6100	6102	63.180.000
Cấp IV	800	340	351	6100	6111	0
Cấp IV	800	340	351	6100	6113	3.229.200
Cấp IV	800	340	351	6100	6115	19.688.225
Cấp IV	800	340	351	6100	6123	156.719.605
Cấp IV	800	340	351	6100	6124	276.735.000
Cấp IV	800	340	351	6200		230.900.000
Cấp IV	800	340	351	6200	6201	230.900.000
Cấp IV	800	340	351	6300		353.535.730
Cấp IV	800	340	351	6300	6301	297.990.940
Cấp IV	800	340	351	6300	6302	52.533.000
Cấp IV	800	340	351	6300	6303	0
Cấp IV	800	340	351	6300	6304	3.011.790
Cấp IV	800	340	351	6350		64.328.000
Cấp IV	800	340	351	6350	6353	64.328.000
Cấp IV	800	340	351	6400		1.008.232.285
Cấp IV	800	340	351	6400	6449	1.008.232.285
Cấp IV	800	340	351	6500		30.000.000
Cấp IV	800	340	351	6500	6502	30.000.000
Cấp IV	800	340	351	6550		435.000.000
Cấp IV	800	340	351	6550	6599	435.000.000
Cấp IV	800	340	351	6600		65.000.000
Cấp IV	800	340	351	6600	6601	10.000.000
Cấp IV	800	340	351	6600	6603	30.000.000
Cấp IV	800	340	351	6600	6605	25.000.000
Cấp IV	800	340	351	6650		0
Cấp IV	800	340	351	6650	6699	0
Cấp IV	800	340	351	6700		20.000.000
Cấp IV	800	340	351	6700	6702	20.000.000

Cấp IV	800	340	351	7750		3.217.438.322
Cấp IV	800	340	351	7750	7799	3.217.438.322
Cấp IV	800	340	351	7850		280.870.000
Cấp IV	800	340	351	7850	7851	0
Cấp IV	800	340	351	7850	7852	0
Cấp IV	800	340	351	7850	7853	66.456.000
Cấp IV	800	340	351	7850	7854	214.414.000
Cấp IV	800	340	351	8000		3.229.271.000
Cấp IV	800	340	351	8000	8006	3.229.271.000
Cấp IV	800	340	361			5.078.149.912
Cấp IV	800	340	361	6000		877.629.193
Cấp IV	800	340	361	6000	6001	877.629.193
Cấp IV	800	340	361	6100		378.514.315
Cấp IV	800	340	361	6100	6101	42.353.880
Cấp IV	800	340	361	6100	6102	54.288.000
Cấp IV	800	340	361	6100	6105	5.928.443
Cấp IV	800	340	361	6100	6113	1.404.000
Cấp IV	800	340	361	6100	6115	12.579.840
Cấp IV	800	340	361	6100	6123	44.082.792
Cấp IV	800	340	361	6100	6124	213.328.360
Cấp IV	800	340	361	6100	6149	4.549.000
Cấp IV	800	340	361	6200		89.000.000
Cấp IV	800	340	361	6200	6201	89.000.000
Cấp IV	800	340	361	6250		10.350.000
Cấp IV	800	340	361	6250	6299	10.350.000
Cấp IV	800	340	361	6300		179.088.018
Cấp IV	800	340	361	6300	6301	146.602.592
Cấp IV	800	340	361	6300	6302	26.794.626
Cấp IV	800	340	361	6300	6303	5.690.800
Cấp IV	800	340	361	6350		1.470.934.200
Cấp IV	800	340	361	6350	6353	1.470.934.200
Cấp IV	800	340	361	6400		3.000.000
Cấp IV	800	340	361	6400	6449	3.000.000
Cấp IV	800	340	361	6500		24.024.614
Cấp IV	800	340	361	6500	6501	22.226.114

Cấp IV	800	340	361	6500	6502	1.798.500
Cấp IV	800	340	361	6550		91.272.600
Cấp IV	800	340	361	6550	6551	70.764.000
Cấp IV	800	340	361	6550	6552	20.508.600
Cấp IV	800	340	361	6600		12.619.844
Cấp IV	800	340	361	6600	6601	110.220
Cấp IV	800	340	361	6600	6605	1.090.644
Cấp IV	800	340	361	6600	6608	4.242.300
Cấp IV	800	340	361	6600	6649	7.176.680
Cấp IV	800	340	361	6650		518.445.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6651	8.055.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6655	74.000.000
Cấp IV	800	340	361	6650	6699	436.390.000
Cấp IV	800	340	361	6750		45.560.000
Cấp IV	800	340	361	6750	6799	45.560.000
Cấp IV	800	340	361	6800		4.560.000
Cấp IV	800	340	361	6800	6801	4.560.000
Cấp IV	800	340	361	6900		9.750.000
Cấp IV	800	340	361	6900	6912	9.750.000
Cấp IV	800	340	361	6950		102.974.000
Cấp IV	800	340	361	6950	6955	37.974.000
Cấp IV	800	340	361	6950	6956	65.000.000
Cấp IV	800	340	361	7000		186.442.000
Cấp IV	800	340	361	7000	7004	1.500.000
Cấp IV	800	340	361	7000	7049	184.942.000
Cấp IV	800	340	361	7050		12.000.000
Cấp IV	800	340	361	7050	7053	12.000.000
Cấp IV	800	340	361	7750		323.219.128
Cấp IV	800	340	361	7750	7799	323.219.128
Cấp IV	800	340	361	7900		825.000
Cấp IV	800	340	361	7900	7901	825.000
Cấp IV	800	340	361	8000		737.942.000
Cấp IV	800	340	361	8000	8049	737.942.000
Cấp IV	800	370				7.784.747.370
Cấp IV	800	370	371			90.000.000

Cấp IV	800	370	371	7450		90.000.000
Cấp IV	800	370	371	7450	7499	90.000.000
Cấp IV	800	370	374			373.450.170
Cấp IV	800	370	374	6300		3.265.200
Cấp IV	800	370	374	6300	6302	3.265.200
Cấp IV	800	370	374	7250		210.000.000
Cấp IV	800	370	374	7250	7262	210.000.000
Cấp IV	800	370	374	7450		160.184.970
Cấp IV	800	370	374	7450	7457	160.184.970
Cấp IV	800	370	398			7.321.297.200
Cấp IV	800	370	398	6500		2.540.700
Cấp IV	800	370	398	6500	6501	2.540.700
Cấp IV	800	370	398	7450		7.255.506.500
Cấp IV	800	370	398	7450	7455	3.705.250.000
Cấp IV	800	370	398	7450	7499	3.550.256.500
Cấp IV	800	370	398	7750		63.250.000
Cấp IV	800	370	398	7750	7799	63.250.000
Cấp IV	800	430				244.000.000
Cấp IV	800	430	433			244.000.000
Cấp IV	800	430	433	7700		244.000.000
Cấp IV	800	430	433	7700	7702	0
Cấp IV	800	430	433	7700	7749	244.000.000
Cấp IV	831					0
Cấp IV	831	160				0
Cấp IV	831	160	161			0
Cấp IV	831	160	161	9300		0
Cấp IV	831	160	161	9300	9301	0
Cấp IV	831	160	161	9400		0
Cấp IV	831	160	161	9400	9401	0
Cấp IV	831	160	161	9400	9402	0

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị: đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
Tổng cộng						1.415.894.000
Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương	800	160	161	9300	9301	779.000.000
	800	280	332	6900	6949	90.000.000
	800	280	338	6900	6922	20.000.000
Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách trung ương	800	280	332	6900	6949	38.330.000
Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nguồn vốn NSTW	800	160	161	7000	7001	2.600.000
	800	160	161	7000	7004	57.400.000
Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh	800	280	332	6900	6949	302.042.000
Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh	800	220	221	6900	6949	45.876.000

Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh	800	280	332	6900	6949	77.646.000
Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch nguồn vốn NS cấp xã	800	160	161	7000	7004	3.000.000

THUYẾT MINH
CHI KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 25/3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	NS xã
A	B	1	2
A	Tổng nguồn	1.343	1.343
I	Nguồn trong nước	1.343	1.343
1	Trung ương bổ sung có mục tiêu (gồm cả nguồn hỗ trợ khôi phục sản xuất...)		
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ		
3	Nguồn của NSDP	1.343	1.343
	Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng	1.343	1.343
	- Từ quỹ dự trữ tài chính		
	- Từ nguồn tăng thu, dự toán còn lại của cấp ngân sách		
	- Từ nguồn thưởng vượt thu		
	- Từ nguồn khác		
4	Các nguồn khác		
II	Nguồn viện trợ nước ngoài		
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP	1.343	1.343
I	Chi đầu tư phát triển		
II	Chi thường xuyên	1.343	1.343
1	Chi sự nghiệp kinh tế	1.343	1.343
2	Chi giáo dục		
3	Chi y tế		
4	Chi đảm bảo xã hội		
		

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 25 /3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán thu
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
A	Tổng nguồn		3.502		
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP		3.502		
I	Chi đầu tư phát triển				
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có theo phân cấp)				
III	Chi thường xuyên		3.502		
1	Chi sự nghiệp kinh tế		1.372		
2	Chi y tế				
3	Chi đảm bảo xã hội		870		
4	Chi quản lý hành chính		1.260		

BÁO CÁO CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 25 /3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo	Năm báo cáo so với năm liền kề	
				Số tuyệt đối	Số tương đối
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3 = 2 - 1$	$4 = 3/1$
1	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi		21.334,8		
2	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công				
3	Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau				
4	Chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán		71,5		
5	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội		3.443,9		
6	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước		12,2		
7	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số				
8	Chi dự trữ quốc gia				

STT	Nội dung	Năm trước (năm liền kề)	Năm báo cáo	Năm báo cáo so với năm liền kề	
				Số tuyệt đối	Số tương đối
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3 = 2 - 1$	$4 = 3/1$
9	Các khoản chi viện trợ cho các Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán				
10	Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể				
11	Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán				
12	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật ngân sách nhà nước, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện		7.356,4		
13	Các khoản chuyển nguồn khác theo quy định của pháp luật (Chương trình mục tiêu quốc gia) ²		2.236,1		

Giải trình¹
5

**TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 25 /3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)

Đơn vị: triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG SỐ</u>	3.314,0	2.646,8	80%
	Các đơn vị thuộc phạm vi quản lý	3.314,0	2.646,8	80%
	<i>Trong đó:</i>			
	- <i>Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>	<i>1.912,6</i>	<i>1.245,4</i>	<i>65%</i>
	+ Trường MN Hoa Sữa	1.077,98	600,27	56%
	+ Trường MN Hoa Hường Dương	786,24	596,74	76%
	+ Trường THCS Hoàng Đồng	32,40	32,40	100%
	+ Trường THCS Tam Thanh	15,96	15,96	100%
	- <i>Sự nghiệp kinh tế khác (Trung tâm công ích)</i>	<i>1.401,5</i>	<i>1.401,5</i>	<i>100%</i>
	- <i>Sự nghiệp y tế</i>			

Chương: 800

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH⁽¹⁾ NĂM 2025*(Kèm theo Nghị quyết số: 14 /NQ-HĐND ngày 25 /3/2026 của HĐND phường Tam Thanh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN QUỸ	DU' NGUỒN ĐẾN 31/12/năm N-1 (1)	KẾ HOẠCH NĂM 2025					THỰC HIỆN NĂM 2025					DU' NGUỒN ĐẾN 31/12 năm N (1)
			TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM (3)		CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	TỔNG NGUỒN VỐN PHÁT SINH TRONG NĂM (2)		TỔNG SỬ DỤNG NGUỒN VỐN TRONG NĂM		CHÊNH LỆCH NGUỒN TRONG NĂM	
			TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSNN (nếu có)	TỔNG SỐ	Tr.đó: Bổ sung vốn điều lệ (nếu có)		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ: HỖ TRỢ TỪ NSNN (nếu có)	TỔNG SỐ	Tr.đó: Bổ sung vốn điều lệ (nếu có)		
A	B	1	2	3	4	5	6=2-4	7	8	9	10	11=6-8	12=1+6-8
	TỔNG SỐ	-	524,9	-	166,2		-	524,9	-	166,2		-	358,8
1	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa		89,9		15,0			89,9		15,0			74,9
2	Quỹ BTTE		59,5		21,0			59,5		21,0			38,5
3	Quỹ chăm sóc người cao tuổi		77,9		15,0			77,9		15,0			62,9
4	Quỹ khuyến học		53,8		-			53,8		-			53,8
5	Xóa nhà tạm nhà tạm nhà dột nát		50,0		50,0			50,0		50,0			-
6	Quỹ PCTT		59,8		59,8			59,8		59,8			-
7	Quỹ Vì người nghèo		134,1		5,4			134,1		5,4			128,7